SỞ Y TẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN
TTYT MƯỜNG ẢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:349 /QĐ-TTYT

Mường Ảng, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Mua sắm hoá chất bổ sung phục vụ công tác chẩn đoán, xét nghiệm năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ MƯỜNG ẢNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chỉnh phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/05/2025 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-TTYT ngày 29/9/2026 của Trung tâm Y tế Mường Ảng về việc phê duyệt nhiệm vụ, danh mục và dự toán mua sắm Mua sắm hoá chất bổ sung phục vụ công tác chẩn đoán, xét nghiệm năm 2026;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình số 01/TTr-TCG ngày 30/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm Mua sắm hoá chất bổ sung phục vụ công tác chẩn đoán, xét nghiệm năm 2026 với các nội dung như sau:

1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: (*Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm).*

2. Danh mục hàng hoá mua sắm: (*Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Giao Tổ chuyên gia đấu thầu mua sắm thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế của Trung tâm Y tế Mường Ảng, căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Tổ chức hành chính - Kế toán, Trưởng khoa Dược-TTB-VTYT; Tổ trưởng Tổ chuyên gia đấu thầu, Tổ trưởng Tổ thẩm định đấu thầu và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM Y TẾ MƯỜNG ẢNG

Nguyễn Ngọc Tân

Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYT ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Y tế Mường Ảng)

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Trung tâm Y tế Mường Ảng	Mua sắm hoá chất bổ sung phục vụ công tác chẩn đoán, xét nghiệm năm 2026	Mua sắm hoá chất bổ sung phục vụ công tác chẩn đoán, xét nghiệm năm 2026	318.965.000	Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Chào giá trực tuyến rút gọn		30 ngày	Tháng 10 năm 2026	Theo đơn giá cố định	07 tháng	Không áp dụng	Không đề xuất
Tổng giá gói thầu				**318.965.000 VND** *(Bằng chữ: Ba trăm mười tám triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng./.)*									

Phụ lục II

DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYT ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Y tế Mường Ảng)

Stt	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số kỹ thuật	Đơn giá dự kiến (VND)	Thành tiền (VND)
1. PHẦN 1. HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM CHUNG						**318.965.000**
1	Hóa chất xét nghiệm Prothrombin Time (PT)	Hộp	7	Thành phần thuốc thử: lọ chứa thromboplastin, canxi clorua cho nồng độ cuối cùng là 0,0125 mol/L, và Natri Clorua để có nồng độ cuối cùng là 0,1 mol/L. Hộp ≥10x2ml	3.000.000	21.000.000
2	Hóa chất xét nghiệm aPTT	Hộp	7	Thành phần thuốc thử: cephalin với axit ellagic. Chloride: 0.025 mol/L stable calcium chloride solution. Hộp ≥ 6x2,5mL/1x15mL	2.300.000	16.100.000
3	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hộp	7	Thành phần bao gồm: Thrombin: lọ chứa thrombin đông khô. Một lần hoàn nguyên nồng độ xấp xỉ 100 NIH đơn vị thrombin / ml. Dung dịch đệm imidazole: 0,05 M, pH 7,3. Hộp ≥ 10x1/1x1/2x60ml	5.337.000	37.359.000
4	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bình thường	Lọ	4	Dung dịch QC mức bình thường cho máy xét nghiệm đông máu. Thành phần chính: Huyết tương người dạng đông khô. Có các chỉ số nằm trong giới hạn tham chiếu. Dung tích: Lọ ≥ 1ml	542.000	2.168.000
5	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bất thường	Lọ	4	Dung dịch QC mức bệnh lý cho máy xét nghiệm đông máu. Thành phần chính: Huyết tương người dạng đông khô. Có các chỉ số nằm ngoài khoảng tham chiếu, mô phỏng tình trạng bất thường. Dung tích: Lọ ≥ 1ml	542.000	2.168.000
6	Dung dịch chuẩn máy điện giải	Hộp	1	Dung dịch kiểm chuẩn test Na+, K+, Cl-, Li+, Ca++, pH, gồm 2 mức bình thường và bất thường. Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin, chất bảo quản. Hộp ≥2 x 10 ml	2.800.000	2.800.000
7	Dung dịch làm đầy điện cực, chứa KCl, dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Hộp	1	Dung dịch làm đầy điện cực. Thành phần chính: KCl, dùng cho máy xét nghiệm điện giải. Hộp 1 lọ ≥125 ml	2.850.000	2.850.000

Stt	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số kỹ thuật	Đơn giá dự kiến (VND)	Thành tiền (VND)
8	Dung dịch rửa máy điện giải hàng ngày	Hộp	4	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên máy xét nghiệm điện giải. Thành phần 1 hộp gồm: Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 mL có chứa HCl, NH_5F_2 và muối. Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 chai pepsin 0,5g	3.200.000	12.800.000
9	Dung dịch tái tạo điện cực Natri cho máy điện giải	Hộp	1	Thành phần chính: KCl, NaCl, NaAc, CaCl2, LiCl, chất đệm pH, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. Hộp ≥ 50ml	2.500.000	2.500.000
10	Module máy điện giải	Hộp	4	Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl−; Buffer; Preservative; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na+; 16.0 mmol/L K+; 41.0 mmol/L Cl−; Buffer; Preservative; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container. Hộp ≥ 800ml	8.400.000	33.600.000
11	Điện cực Kali	Cái	1	Điện cực Kali	7.100.000	7.100.000
12	Điện cực Natri	Cái	1	Điện cực Natri	7.100.000	7.100.000
13	Điện cực Chlo	Cái	1	Điện cực Clo	7.100.000	7.100.000
14	Điện cực Ca	Cái	1	Điện cực Canci	7.100.000	7.100.000
15	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Hộp	16	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học (Mindray BC-3600) hoặc tương đương. Thành phần:Sodium Chloride, Sodium Sulfate Anhydrous, Buffering Agents, Anti-fungal and Anti - bacterial Agents. Dung tích ≥ 20 Lít	2.350.000	37.600.000
16	Dung dịch rửa máy dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Chai	20	Dung dịch rửa máy dùng cho máy xét nghiệm huyết học (Mindray BC-3600) hoặc tương đương. Thành phần: Sodium Sulfate Anhydrous, Sodium Chloride, Anti-fungal and Anti - bacterial Agents, Polyoxyethylene Ester. Dung tích ≥ 5,5 Lít	1.800.000	36.000.000

Stt	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số kỹ thuật	Đơn giá dự kiến (VND)	Thành tiền (VND)
17	Huyết thanh mẫu A	Lọ	10	- Kháng thể đơn dòng Anti A (dòng A-11H5) - Hiệu giá ≥ 1:256; Độ đặc hiệu: 100% - Quy cách lọ ≥ 10ml. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	120.000	1.200.000
18	Huyết thanh mẫu B	Lọ	10	- Kháng thể đơn dòng Anti B,dòng vô tính sifin B-6F9. - Hiệu giá ≥ 1:256; Độ đặc hiệu: 100%. - Quy cách lọ ≥10ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	120.000	1.200.000
19	Huyết thanh mẫu AB	Lọ	10	- Kháng thể đơn dòng Anti A,B. - Hiệu giá ≥ 1:256; Độ đặc hiệu: 100%. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	120.000	1.200.000
20	Chất định lượng Acid Uric	Hộp	1	Thành phần: Phosphate Buffer, Ascorbate Oxidase, Potassium Ferocyanide , Aminophenazone. Hộp ≥ 492 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE hoặc tương đương.	4.900.000	4.900.000
21	Chất định lượng Creatinine	Hộp	6	Thành phần: Alkaline Buffer ,Picric Acid. Hộp ≥ 42 ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE hoặc tương đương.	5.120.000	30.720.000
22	Chất định lượng Urea	Hộp	6	Thanh phần: TRIS Buffer pH , α KG , ADP. Hộp ≥ 654 ml.Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương.	4.600.000	27.600.000
23	Test xét nghiệm HBA1C	Test	200	Chất thử cho xét nghiệm HbA1c tích hợp trong Cartridge sử dụng 1 lần (dạng cartridge 1 test). Tương thích với máy xét nghiệm HbA1c (Clover A1c Self) hoặc tương đương. Kỹ thuật ái lực boronate . Khoảng đo từ 4-14%. Thời gian đo 5 phút. Nhận diện test bằng mã vạch. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	84.000	16.800.000
	Tổng: 23 khoản					**318.965.000**